

Số: /TB-BQLQ

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

THÔNG BÁO
Công khai kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá: Số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; số 1461/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18 /01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh hóa năm 2020; căn cứ kết quả thu, nộp Quỹ của các đơn vị, địa phương và Bảng xác nhận số dư tài khoản tại Kho bạc nhà nước; Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa (Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh), Thông báo công khai kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020, cụ thể như sau:

1. Kết quả thu, nộp Quỹ

Tính đến ngày 28/02/2021, tổng số tiền thu, nộp Quỹ theo kế hoạch năm 2020 trên địa bàn tỉnh được là **30.232,28 triệu đồng**, bao gồm:

- Số tiền thu, nộp đến ngày 31/12/2020 là: 27.628,26 triệu đồng, trong đó:
 - + Nộp trực tiếp về tài khoản của Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh là 23.523,4 triệu đồng;
 - + UBND cấp huyện để lại 23% chi cho hoạt động phòng, chống thiên tai; chi thù lao cho lực lượng trực tiếp đi thu và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP của Chính phủ là 4.104,8 triệu đồng.

- Số tiền thu, nộp phát sinh sau ngày 31/12/2020 là: 2.604,0 triệu đồng, trong đó, nộp trực tiếp về tài khoản của Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh là 2.005,1 triệu đồng (*Thị xã Nghi Sơn là 998,6 triệu đồng; huyện Ngọc Lặc là 650,8 triệu đồng; huyện Thọ Xuân là 355,7 triệu đồng*); UBND huyện để lại 23% là: 598,9 triệu đồng.

(Chi tiết kết quả thu, nộp Quỹ năm 2020 tại phụ lục kèm theo)

2. Số dư tài khoản đến ngày 31/12/2020 và số tiền chưa có kế hoạch chi

- Số dư tài khoản: Tính đến ngày 31/12/2020, theo xác nhận số dư tài khoản của Cơ quan quản lý Quỹ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh là **48.206,5 triệu đồng** (chưa bao gồm số tiền 2.005,1 triệu đồng, do các đơn vị nộp sau ngày 31/12/2020).

(Có xác nhận số dư tài khoản tại Kho bạc Nhà nước kèm theo).

- Số tiền chưa có kế hoạch chi: Hiện tại, số tiền chưa có kế hoạch chi là **35.754,5 triệu đồng**.

Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thông báo đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để biết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://snnptnt.thanhhoa.gov.vn>;
- Website: <http://thanhhoafdfund.gov.vn>;
- Lưu: VT, PCTT.

GIÁM ĐỐC**Lê Công Cường**

Phụ lục:**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH THANH HOÁ, NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2021 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá)

DVT: VN Đồng

TT	Đơn vị/tổ chức	Kết quả thu, nộp Quỹ năm 2020							Ghi chú	
		Tổng cộng	Thu, nộp đến ngày 31/12/2020			Thu, nộp sau ngày 31/12/2020				
			Cộng	Nộp trực tiếp về tài khoản của Quỹ cấp tỉnh (77%)	UBND cấp huyện để lại (23%)	Cộng	Nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh (77%)	UBND cấp huyện để lại (23%)		
(1)	(2)	(3)=(4)+(7)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(11)	
I	Các Sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trên địa bàn thành phố	1.460.099.509	1.460.099.509	1.460.099.509						Phụ biểu 01
II	UBND các huyện, thị xã, thành phố.	20.451.093.924	17.847.068.924	13.742.268.924	4.104.800.000	2.604.025.000	2.005.100.000	598.925.000		Phụ biểu 02
III	Lực lượng vũ trang	782.300.000	782.300.000	782.300.000						Phụ biểu 03
IV	Các doanh nghiệp do Cục Thuế quản lý	3.099.388.554	3.099.388.554	3.099.388.554						Phụ biểu 04
V	Các tổ chức, cá nhân thuộc cấp huyện thu, nộp trực tiếp về Quỹ	654.497.443	654.497.443	654.497.443						Phụ biểu 05
VI	Các cơ quan, đơn vị nộp theo kế hoạch năm 2019	3.784.907.266	3.784.907.266	3.784.907.266						Phụ biểu 06
TỔNG CỘNG:		30.232.286.696	27.628.261.696	23.523.461.696	4.104.800.000	2.604.025.000	2.005.100.000	598.925.000		

Phụ biểu 01:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ KHỎI
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH; CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2021 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền nộp về Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh (Tính đến ngày 31/12/2020)
(1)	(2)	(3)
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH	1.068.671.833
1	Văn phòng UBND tỉnh	26.478.000
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh	3.468.000
3	Văn phòng HĐND tỉnh	8.355.000
4	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	11.700.000
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	7.000.000
6	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	6.522.000
7	Ban nội chính tỉnh ủy	5.200.000
8	Đảng ủy khối cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	13.970.000
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	38.201.000
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	69.300.000
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	38.976.000
12	Sở Tư pháp	20.335.000
13	Sở Công thương	27.619.000
14	Sở Xây dựng	11.378.000
15	Sở Giao thông vận tải	108.221.491
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	37.783.463
17	Sở Nội vụ	11.362.000
18	Sở Tài chính	24.772.000
19	Sở Y tế	195.067.783
20	Sở Khoa học và Công nghệ	18.876.000
21	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13.800.000
22	Sở Thông tin và Truyền thông	9.610.000
23	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	100.384.096
24	Sở Ngoại vụ	5.500.000
25	Ban Dân tộc	6.780.000
26	Ban Tôn giáo tỉnh	2.234.000
27	Thanh tra tỉnh	8.870.000
28	Viện Nông nghiệp tỉnh	23.283.000
29	Báo Thanh Hóa	11.053.000
30	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	32.890.000
31	Trường Chính trị tỉnh	15.000.000
32	Trường Đại học Hồng Đức	50.000.000

33	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37.835.000
34	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp	25.000.000
35	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch	3.630.000
36	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	9.780.000
37	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa	11.200.000
38	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa	17.238.000
II	CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CẤP TỈNH	47.633.367
1	Liên đoàn Lao động tỉnh	13.709.344
2	UB MTTQ tỉnh	7.050.000
3	Hội Nông dân tỉnh	8.353.000
4	Hội Phụ nữ tỉnh	8.210.000
5	Hội Cựu chiến binh tỉnh	2.000.000
6	Hội Chữ thập đỏ	2.813.000
7	Hội Làm vườn và Trang trại	634.023
8	Liên hiệp Hội khoa học và kỹ thuật	1.100.000
9	Liên minh các HTX tỉnh	3.564.000
10	Liên đoàn Bóng đá Thanh Hoá	200.000
III	CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	334.794.309
1	Tòa án nhân dân tỉnh	13.599.000
2	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh	26.190.000
3	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	12.089.000
4	Cục Quản lý thị trường tỉnh	38.021.000
5	Cục Thuế tỉnh	41.075.800
6	Cục Hải Quan tỉnh	10.000.000
7	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	7.116.704
8	Bảo hiểm xã hội tỉnh	39.681.091
9	Cảng vụ Hàng Hải tỉnh	10.890.000
10	Kho 661, Cục xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	59.196.530
11	Kho K 822, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	67.728.000
12	Kho K 826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	18.207.184
TỔNG CỘNG		1.460.099.509

Phụ biểu 02:

**KẾT QUẢ THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ NỘP VỀ TÀI KHOẢN CƠ QUAN QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2021 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	UBND huyện, thị xã, thành phố	Kết quả thu, nộp	Ghi chú
1	Thành phố Thanh Hóa	1.870.778.180	
2	Thị xã Bim Sơn	133.627.000	
3	Thành phố Sầm Sơn	164.475.000	
4	Huyện Vĩnh Lộc	623.284.000	
5	Huyện Nông Cống	1.048.000.000	
6	Huyện Thiệu Hóa	617.274.700	
7	Huyện Triệu Sơn	952.447.000	
8	Huyện Yên Định	472.865.000	
9	Huyện Thọ Xuân	1.103.700.000	Nộp sau ngày 31/12/2020 là 355,7 triệu đồng
10	Huyện Hà Trung	601.180.000	
11	Huyện Đông Sơn	214.244.000	
12	Thị xã Nghi Sơn	998.600.000	Nộp sau ngày 31/12/2020
13	Huyện Quảng Xương	750.747.000	
14	Huyện Hoằng Hóa	825.990.000	
15	Huyện Hậu Lộc	760.182.200	
16	Huyện Nga Sơn	820.000.000	
17	Huyện Như Thanh	418.651.000	
18	Huyện Thạch Thành	418.000.000	
19	Huyện Cẩm Thủy	549.111.000	
20	Huyện Ngọc Lặc	650.800.000	Nộp sau ngày 31/12/2020
21	Huyện Như Xuân	368.201.000	
22	Huyện Thường Xuân	269.717.271	
23	Huyện Lang Chánh	178.000.000	
24	Huyện Bá Thước	445.368.000	
25	Huyện Quan Hóa	247.395.027	
26	Huyện Quan Sơn	115.566.546	
27	Huyện Mường Lát	129.165.000	
Tổng		15.747.368.924	

Phụ biểu 03:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ
KHỐI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2021 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	Đơn vị	Kết quả thu, nộp	Ghi chú
1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	225.000.000	
2	Công An tỉnh	335.000.000	
3	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	222.300.000	
Tổng		782.300.000	

Phụ biểu 04:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC DOANH NGHIỆP
DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢN LÝ, NĂM 2020**

*(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2021 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ,
phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)*

DVT: VN Đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công ty TNHH KH Vina	14.906.000	
2	Công ty TNHH Duyệt Cường	45.554.077	
3	Công ty TNHH Hai thành viên FLC Lam Sơn	7.645.000	
4	Công ty TNHH Văn Lang Yufukuya	4.799.362	
5	Ngân hàng NN&PTNT CN huyện Nga Sơn	4.959.000	
6	North continental oils & fats Việt Nam company limited/nortalic	128.759.214	
7	Công ty CP tập đoàn giống cây trồng Việt Nam- CN Thanh Hoá	3.260.000	
8	CN Công ty CP tập đoàn Quốc tế AB tại Thanh Hoá	9.983.000	
9	Ngân hàng NN&PTNT CN Nam Thanh Hoá	45.051.000	
10	Công ty TNHH may mặc xuất khẩu Appareltech Vĩnh Lộc	21.116.000	
11	Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Thanh Hoá	79.875.102	
12	Công ty CP Xi măng Bim Sơn	177.040.769	
13	Công ty CP Lợn giống Dân Quyền	4.941.000	
14	Công ty CP Giấy bao bì in báo	4.000.000	
15	Công ty TNHH MTV Thành Công	1.200.000	
16	Ngân hàng NN&PTNT CN Bắc Thanh Hoá	9.498.000	
17	Công ty TNHH Winners Vina	29.826.000	
18	Công đoàn Ngân hàng NN&PTNT CN Bim Sơn	7.615.636	
19	Công ty CP Sceptin & phân bón Thanh Hoá	11.718.000	
20	Công ty CP Sữa Việt Nam- Nhà máy sữa Lam Sơn	22.027.300	
21	Công đoàn Ngân hàng NN&PTNT CN Vĩnh Lộc	2.958.889	
22	Ngân hàng NN&PTNT CN huyện Hà Trung	3.542.000	
23	Công đoàn Ngân hàng NN&PTNT Thanh Hoá	566.000	
24	Ngân hàng NN&PTNT CN huyện Thạch Thành	4.607.000	
25	Công ty CP VLXD Bắc Thanh hoá	3.424.000	
26	Công ty TNHH MTV Bò Sữa THống nhất	140.382.334	
27	Công ty CP đầu tư Thương mại Lam Sơn	22.736.000	
28	Công ty TNHH đường mía Việt nam- Đài loan	76.478.000	
29	Công ty CP đầu tư Vũ Gia Thanh Hoá	6.200.000	
30	Công ty TNHH MTV Sông Chu	119.988.000	
31	Công ty TNHH MTV Nam sông mã	120.192.000	
32	XN tài nguyên và môi trường 7- CN công ty TNHH MTV TN và MT Việt Nam	7.050.000	

STT	Tên doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
33	Công ty CP Mía đường Thanh Hoá	17.478.000	
34	Công ty TNHH Đông Hải	15.000.000	
35	Công ty TNHH PECI Việt Nam	100.794.201	
36	Công ty Lâm nghiệp Lang Chánh	2.480.000	
37	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	187.752.000	
38	Công ty TNHH giấy Annora Việt Nam	100.000.000	
39	Công ty CP nước mắt Thanh Hương	3.339.000	
40	Công ty TNHH SOTO	112.000	
41	Công ty CP QL và XD đường bộ 1	22.150.000	
42	Công ty TNHH Kuwait Việt Nam petrochemicals	8.041.000	
43	Công ty TNHH MTV Kim Chung	1.827.000	
44	Công ty CP chế biến súc sản xuất khẩu Thanh hoá	5.311.000	
45	Ngân hàng VCB Nghi Sơn	5.937.000	
46	Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Bắc Sông Mã	65.308.000	
47	CN Công ty TNHH MTV Bò Sữa VN- TT Bò sữa Như Thanh	10.865.200	
48	Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Thanh Hoá	8.728.800	
49	Công ty CP dược vật tư y tế Thanh Hoá	96.172.000	
50	Công đoàn ngân hàng nông nghiệp- CN Hoàng Hoá	5.550.000	
51	CN Công ty TNHH MTV Bò Sữa VN- TT Bò sữa Thanh Hoá	9.329.900	
52	Công ty TNHH DT và PT Hong fu Việt Nam	100.000.000	
53	Tổng công ty công trình giao thông 1 Thanh Hoá	20.000.000	
54	Công ty TNHH Giày Alina Việt Nam	18.318.000	
55	Công ty TNHH Giày Rollsport Việt Nam	100.000.000	
57	Công ty CP Giấy Lam sơn Thanh Hoá	43.491.000	
58	Ngân hàng Agribank CN Hậu Lộc	4.015.000	
59	Công ty TNHH S&H Vina	100.000.000	
60	Công ty CPĐT Hồng Uy - CN Triệu Sơn -TH	6.898.000	
61	Công ty CP Thủy điện Xuân Minh	101.081.000	
62	Công ty Phúc Thịnh	20.382.000	
63	Công ty TNHH MTV Thép VAS Nghi Sơn	113.249.000	
64	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 36.03- Công ty CP TĐXD Miền Trung	21.264.000	
65	Công ty CP bao bì Lam Sơn	10.200.000	
66	Công ty CP xi măng Bim Sơn	100.000.000	
67	Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác 11	96.568.000	
68	Công ty TNHH Cromit Nam Việt	18.453.298	
69	Công ty TNHH Sunhomes laboratory	16.635.012	
70	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle huge Việt Nam	100.000.000	
71	Công ty TNHH Ferocrom Thanh Hoá	13.060.000	

STT	Tên doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
72	Công ty CP đầu tư thương mại Lam Sơn	17.723.000	
73	Công ty CP phân bón Lam Sơn	17.911.000	
74	Công ty TNHH giày Aleron Việt Nam	100.000.000	
75	Công ty TNHH Bow international	7.031.460	
76	Công ty CP gạch Tuynel Trường Lâm Thanh Hoá	11.622.000	
77	Chi nhánh Công ty TNHH KNB Css Vina	9.120.000	
78	Công ty TNHH Hoàng Chung	500.000	
79	Công ty TNHH Giày Venus Việt Nam	100.000.000	
80	Công ty Lâm nghiệp Cẩm Ngọc	7.972.000	
81	Công ty TNHH Tae il beauty	10.821.000	
82	Công ty CP VICEM bao bì Bim Sơn	5.000.000	
Tổng		3.099.388.554	

Phụ biểu 05:

**CÁC CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP HUYỆN THU, NỘP TRỰC TIẾP VỀ TÀI KHOẢN
QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2021 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản trực tiếp về tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa

ĐVT: VN Đồng

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Số tiền đóng góp về Quỹ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Nguyễn Thị Linh	4.650.000	
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh	6.780.500	
3	Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc	27.140.300	
4	Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn	13.100.000	
5	Lê Thị Trang	2.000.000	
6	Bệnh viện Đa khoa huyện Thọ Xuân	34.010.000	
7	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá	47.181.576	
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc	26.180.000	
9	Bệnh viện Đa khoa thành phố Sầm Sơn	7.690.000	
10	Bệnh viện Đa khoa huyện Nga Sơn	37.787.000	
11	Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành	31.299.000	
12	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc	5.344.000	
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn	10.000.000	
14	Bệnh viện Đa khoa huyện Hoằng Hoá	20.556.000	
15	Trường THPT Sầm Sơn	7.900.000	
16	Trường THPT Hậu Lộc	10.521.000	
17	Trường THPT Quảng Xương 2	13.400.000	
18	Trường THPT Quảng Xương 1	14.000.000	
19	Trường THPT Nguyễn Mộng Tuân	12.000.000	
20	Trường THPT Thiệu Hoá	19.310.000	
21	Bệnh viện Đa khoa huyện Nông Cống	24.703.058	
22	Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn	27.657.000	
23	Bệnh viện Đa khoa thị xã Bim Sơn	24.687.000	
24	Lê Thị Hà	11.272.000	
25	Trung Tâm Y tế huyện Ngọc Lặc	20.697.789	
26	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	83.780.000	
27	Bệnh viện Phục hồi chức năng	4.900.000	
28	Trường THPT Đặng Thai Mai	12.500.000	
29	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	18.587.220	
30	Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh tỉnh	35.394.000	
31	Các đơn vị nộp lại	2.358.000	Sau thanh toán
Tổng		654.497.443	

Phụ biểu 06:

CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THU, NỢP THEO KẾ HOẠCH NĂM 2019 (sau ngày 31/12/2019)
 (Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2021 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Huyện Quan Sơn	347.088.000	
2	Huyện Ngọc Lặc	610.982.262	
3	Huyện Vĩnh Lộc	112.657.750	
4	Huyện Thiệu Hóa	198.813.830	
5	Huyện Nga Sơn	196.104.000	
6	Huyện Mường Lát	30.026.000	
7	Huyện Triệu Sơn	23.424.000	
8	Thành phố Thanh Hóa	39.092.900	
9	Huyện Yên Định	561.743.000	
10	Huyện Như Xuân	308.000.000	
11	Huyện Nông Cống	1.321.836.105	
12	Huyện Quảng Xương	35.139.419	
Tổng		3.784.907.266	

BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ QUỸ (Tính đến ngày 31/12/2020)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2021 của BQC Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

Mẫu số 19
Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2020

Tên đơn vị: Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa Mã ĐVQHNS: 9083324
Địa chỉ giao dịch: Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3761.0.9083324.91049				
Số dư đầu kỳ	55.061.177.971	55.061.177.971		
Phát sinh tăng trong kỳ	23.523.461.696	23.523.461.696		
Phát sinh giảm trong kỳ	30.378.129.200	30.378.129.200		
Số dư cuối kỳ	48.206.510.467	48.206.510.467		

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC
..... ngày 05 tháng 01 năm 2021
Kế toán *[Signature]* Kế toán trưởng *[Signature]*
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
..... ngày 05 tháng 01 năm 2021
Kế toán trưởng *[Signature]* Chủ tài khoản *[Signature]*
(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Lê Công Cường